

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ - PT
Ngày: 17/5/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Minh

Các thẩm phán: Ông Ngô Xuân Hải

Bà Hoàng Thị Luận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Công, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLPT – HNGĐ ngày 01/02/2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2017/HNGĐ – ST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2018/QĐ-PT ngày 03/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (có mặt).

Bị đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1973 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Phan Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 1991, sau đó mất đăng ký kết hôn và có đăng ký lại năm 2014 tại UBND xã N. Sau khi kết hôn, anh chị về sống chung cùng bố mẹ anh tại thôn T, xã N. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do quan điểm

sống của hai người khác nhau. Tháng 8/1991, anh đã phải bỏ ra Hà Nội làm thuê, ở nhà chị L mâu thuẫn với hàng xóm, với mẹ chồng, anh đã khuyên giải nhiều nhưng chị L không nghe mà còn cãi lại. Năm 1993, anh cũng đã làm đơn ly hôn nhưng được mọi người khuyên giải, nghĩ đến con nên anh lại thôi. Đến khi sinh cháu thứ hai, chị L tiếp tục gây ra nhiều chuyện, mâu thuẫn với mẹ chồng và hàng xóm, do mọi người khuyên can nên anh chấp nhận sống như vậy, có vợ coi như không. Năm 2000, khi hai cháu đã lớn, anh đưa cả gia đình ra Hà Nội sinh sống, nhưng chị L không chịu làm ăn mà chỉ thích nhàn hạ, do mâu thuẫn nên anh và chị L sống ly thân từ năm 2014. Khi về Bắc Ninh ở, anh nghĩ chị L sẽ thay đổi tâm tính, nhưng ngược lại chị L làm nhiều việc quá đáng, ảnh hưởng đến con cái, làm loạn hết cả nhà. Do mâu thuẫn không thể chung sống nên anh xin được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 17/3/1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 21/11/1995. Hiện các cháu đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là chị Phan Thị L trình bày: Chị thừa nhận việc kết hôn như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị ở nhà chăm lo con cái, anh T đi Hà Nội và các tỉnh khác làm ăn. Năm 2010, hai vợ chồng chuyển ra Hà Nội sinh sống, lúc đó chị đi làm thuê. Đến tháng 9/2016, anh T về T, N thành lập Trường mầm non tư thục Song Ngữ A. Đến tháng 3/2017, anh chị về Bắc Ninh cưới con và vợ chồng cùng ở N từ đó đến nay. Trong cuộc sống, vợ chồng vẫn bình thường, trong kinh tế, chi tiêu, chị vẫn lo toan sinh hoạt cho cả gia đình. Chị nghi ngờ anh T có quan hệ tình cảm cô hiệu trưởng trường mầm non của anh T. Trong kinh tế, anh T không công khai cho chị biết, chị tham gia góp ý đều không được nên vợ chồng có nói nhau về vấn đề này. Do anh T là người ít nói nên vợ chồng không cãi nhau nhiều, trong sinh hoạt vợ chồng cũng không thay đổi gì, cả gia đình vẫn ăn uống chung, nói chuyện bình thường. Từ tháng 7/2017 đến nay, chị vẫn cơm nước cho cả gia đình nhưng anh T không ăn cùng mọi người mà ăn sau. Trong gia đình, ai cũng quan tâm đến anh T nhưng anh T cứ xa dần mọi người, khi anh T làm đơn xin ly hôn, chị và các con đã góp ý nhiều, không ai muốn cho anh T ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay chị thấy tình cảm vẫn còn, nên không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị thừa nhận lời trình bày của anh T là đúng, các cháu đều đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị chưa đồng ý ly hôn nên không có ý kiến hay quan điểm gì về tài sản chung, công nợ.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bác đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T về việc xin ly hôn chị Phan Thị L.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ: không đề cập giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 22/11/2017, anh Nguyễn Văn T kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho anh được ly hôn với chị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn là anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo. Bị đơn là chị L giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo đúng trình tự pháp luật quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát Viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy:

Anh T và chị L tự nguyện kết hôn năm 1991, do mất giấy chứng nhận kết hôn nên ngày 26/5/2014, anh chị đã đăng ký kết hôn lại tại UBND xã N. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã thu thập chứng cứ là lời khai của mẹ anh T và gia đình anh T thì mọi người chưa bao giờ được nghe anh T, chị L nói chuyện về mâu thuẫn vợ chồng nên chưa bao giờ gia đình phải can thiệp, hòa giải. Các con của anh chị là những người sống cùng anh chị cũng xác nhận anh chị chỉ có mâu thuẫn nhỏ về việc quản lý trường mầm non do anh T thành lập chứ không có mâu thuẫn gì lớn về tình cảm và đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ. Do vậy, hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị L chưa đến mức vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, chưa lâm vào tình trạng nghiêm trọng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn xin ly hôn của anh T là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin ly hôn của anh T.

Về con chung, tài sản chung và công nợ: Do không có kháng cáo về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm cần sửa lại số và ngày của Biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do anh T nộp là Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000211 ngày 29/6/2017 của Chi cục thi hành án thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Bút lục 15).

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bác yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Phan Thị L.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh T đã nộp tổng cộng 600.000 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo các Biên lai thu số AA/2017/0000211 ngày 29/6/2017 và AA/2017/0000522 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS TP.Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hữu Minh